TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Trần ĐPH.
2. Bà Võ Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. (Xin vắng mặt)
HKTT: Thôn S, xã TS, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Trương Đình T1, sinh năm 1995. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu ĐPH, thị trấn ĐP, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*** Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP. Sau khi kết hôn chị và anh T1 sống chung với cha mẹ ruột của anh T1 tại khu ĐPH, thị trấn ĐP. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không lo làm ăn mà cùng bạn bè tụ tập ăn chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên

cãi vã và xô xát. Mâu thuẫn đã trầm trọng nên khoảng tháng 4/2022 chị về sống với cha mẹ ruột tại xã TS, còn anh T1 tiếp tục sống chung với cha mẹ ruột. Anh T1 do ham ăn chơi nên thường xuyên vắng nhà vào ban ngày, đến đêm khuya mới về và sáng sớm lại đi ngay. Do mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Trương Thị Thanh T3, sinh ngày 19/7/2016. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do anh T1 thường xuyên ăn chơi, không chăm lo đến con.

Về tài sản, nợ chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Trương Đình T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không gửi ý kiến, không tham gia làm việc, không tham gia phiên tòa sơ thẩm.***

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có ý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị T và anh T1 tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân. Đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn: Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh T1 không lo làm ăn mà cùng bạn bè tụ tập ăn chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho anh T1 các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T1 không đến làm việc, không gửi ý kiến cho Tòa án và không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Ngoài ra Tòa án cũng trực tiếp đến nơi cư trú của anh T1 để lấy lời khai nhưng không được nên coi như anh T1 tự từ bỏ quyền chứng minh đối với phía nguyên đơn. Căn cứ nội dung xác minh của ban quản lý khu nơi anh T1 sinh sống

thể hiện gia đình có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không nắm rõ nguyên nhân, từ đó anh T1 hay vắng nhà.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai các đương sự thể hiện chị T và anh T1 có 01 con chung là Trương Thị Thanh T3, sinh ngày 19/7/2016. Hiện nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T1 không hợp tác làm việc nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp. Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Trương Đình T1; chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Đình T1.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị Thanh T3, sinh ngày 19/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000904 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND thị trấn ĐP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình